TOÀ ÁN NHÂN DÂN **QUẬN H** **THÀNH PHỐ H**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 82/2023/HS-ST
Ngày: 15 - 6 -2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN TH - THÀNH PHỐ H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Giang

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Tạ Ngọc Cư

Bà Phạm Thị Hiền

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Mạc An Chi - Thư ký Toà án nhân dân quận TH, thành phố H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận TH, thành phố Htham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Viết - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận TH, thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 81/2023/TLST-HS ngày 22 tháng 5 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 82/2023/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 6 năm 2023 đối với bị cáo:

Bùi Thị T, sinh năm 1973, tại Thanh Hóa; ĐKTT: Số 5 phố VĐ, phường HB, quận HK, thành phố H; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; giới tính: Nữ; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Bùi Minh X (đã chết) và bà Bùi Thị K; Chồng Lại B (đã chết); có 02 con, lớn sinh năm 1999, bé sinh năm 2003; Tiền án, tiền sự: Theo danh chỉ bản số 84 do Công an quận TH lập ngày 09/02/2023 và lý lịch do địa phương cung cấp, bị cáo không có tiền án, tiền sự; Nhân thân Không có tiền án, tiền sự.

Bị cáo bị bắt từ ngày 06/02/2023, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 1 - Công an thành phố H (có mặt).

Bị hại: **Chị Chu Lâm T**, sinh năm 1985; ĐKTT: Số 381 đường GP, phường PL, quận TX, thành phố H; Nơi cư trú: Số 59B ngõ 264/21 đường ÂC, phường NT, thành phố H (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Chị Chu Lâm T1 thuêBùi Thị T thường xuyên đến dọn dẹp nhà tại địa chỉ số 59B ngõ 264/21 đườngÂC, phường NT, quận TH, thành phố H. Khoảng 08 giờ 30 phút ngày 05/02/2023, Tđến dọn nhà chị T1 như thường lệ. Đến 11 giờ 45 phút cùng ngày, chị T1có việc nên đưa hai con đi ra ngoài. Trong lúc dọn nhà, T phát hiện tại ngăn kéo bàn học ở phòng ngủ của chị T1(hướng thẳng cửa vào) có 02tờ tiền loại Đôla Mỹ (viết tắt là: USD)mệnh giá 02 USD. T tiếp tục mở ngăn kéo ra thấy có 01 phong bì có ghi chữ "10.000 Tu viện CT1", bên trong phong bì có 135 tờtiền loạiĐôla Mỹ,đều mệnh giá 100 USD nên đã nảy sinh ý định chiếm đoạt số tiền trên. T lấy phong bì đựng tiền cất vào trong túi xách tay của mình đang để trên tủ giày, rồi tạo hiện trường giả bằng cách mở các cửa trêngiá sách trong phòng khách và cửa tủ trong phòng ngủ(phía bên phải hướng từ cửa vào). Đồng thời, vứt một số quần áo trong tủ ra ngoài, rồi cầm túi xách của mình đi ra, khóa cửa nhà, cửa cổng vàđể lại chìa khóa vào vị trí sau cổng nhà theo yêu cầu của chị T1, rồi đi về. Về đến nhà, T đi lên tầng 4 và cất giấu chiếc phong bì đựng số tiền trộm cắp được của chị T1 vào tủđể bát đĩa, phía bên phải bàn thờ nhà của T. Đến tối cùng ngày, chị T1 phát hiện bị mất tiền nên đãđến Công an phường NT trình báo. Ngày 06/02/2023, T đãđến Công an quận THđầu thú và khai nhận việc trộm cắp số tiền trên của chị T1.

Cơ quan điều tra đã tiến hành khám xét khẩn cấp nhà của Bùi Thị T tại số 5 phốVĐ, phường HB, quận HK, thành phố H vàđã thu giữ 01 phong bì có ghi chữ "10.000 Tu viện C T1", bên trong có tổng số 135 tờ tiền loại Đôla Mỹ, đều cómệnh giá 100 USD.

Tại bản Kết luận giám định số 689 ngày 08/2/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an thành phố H kết luận: 135 tờ tiền Đôla Mỹ mệnh giá 100 USD gửi giám định là 135 tờ tiền thật.

Tại Kết luận định giá tài sản số 55/KL - HĐĐG ngày 05/4/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng quận TH kết luận: Giá 135 tờ tiền Đôla Mỹ = 318.735.000 Việt Nam đồng.

Đối với 135 tờ tiền Đô la Mỹ đều có mệnh giá 100 USD thu giữ của Bùi Thị T:Ngày 10/2/2023, Cơ quan CSĐT - Công an quận TH đã trả lại cho chị Chu Lâm T1. Chị T1 đã nhận lại 135 tờ tiền Đôla Mỹ đều có mệnh giá 100 USD và không có yêu cầu gì, đồng thời xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho T.

Bản Cáo trạng số 85/CT-VKS ngày 17 tháng 5 năm 2023, Viện kiểm sát nhân dân quận TH, thành phố H truy tố bị cáo Bùi Thị T về tội "Trộm cắp tài sản" quy định tại điểm a khoản 3 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa luận tội và tranh luận: Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của bị cáo tại phiên tòa có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo đã cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm a khoản 3 Điều 173 Bộ luật Hình sự và giữ nguyên nội dung bản cáo trạng. Sau khi phân tích các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ đối với bị cáo, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: điểm a khoản 3 Điều 173; điểms khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38Bộ luật Hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Về hình phạt: Đề nghị xử phạt bị cáo Bùi Thị T từ 08 năm đến 08 năm 06 tháng tù.

Về hình phạt bổ sung: Đề nghị không áp dụng.

Về dân sự: Đề nghị không áp dụng.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Bị cáo không tranh luận, nói lời sau cùng: Bị cáo biết mình sai, vi phạm pháp luật và xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra - Công an quận TH, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận TH, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Về việc vắng mặt của bị hại: Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị hại đến tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không rõ lý do. Hội đồng xét xử xét thấy, bị hại đã có lời khai đầy đủ, việc họ vắng mặt không ảnh hưởng tời việc xét xử. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị hại theo quy định tại Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự và đề xuất của Kiểm sát viên.

[2] *Về hành vi của bị cáo*: Xét lời khai của bị cáo Bùi Thị T tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra; Lời khai của người bị hại; Biên bản dựng lại hiện trường; Vật chứng thu giữ; Kết luận giám định; Kết luận định giá tài sản; Các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ và nội dung bản cáo trạngcủa Viện kiểm sát đã truy tố.

Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận: Vào khoảng 09 giờ 00 phút ngày 05/02/2023, Bùi Thị T đến nhà chị Chu Lâm T1 tại địa chỉ số 59B ngõ 264/21 đường ÂC, phường NT, quận TH, thành phố H làm giúp việc nhà theo giờ. Đến khoảng 11 giờ 45 phút cùng ngày, lợi dụng việc chị T1 cùng các con không có nhà, Bùi Thị T đã có hành vi lén lút trộm cắp13.500 Đô la Mỹ (gồm 135 tờ tiền Đô la Mỹ đều có mệnh giá 100 USD) của chị T1 để trong ngăn kéo tủ. Tổng giá trị tài sản T trộm căp của chị T1quy đổi ra tiền Việt Nam là 318.735.000 đồng.

Hành vi của bị cáo đã cấu thành tội "Trộm cắp tài sản". Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 3 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân quận TH đã đưa ra chứng cứ buộc tội và truy tố bị áo về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 173 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3]*Về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội:* Hành vi phạm tội của bị cáo là rất nghiêm trọng. Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật,nhưng do lười lao động, lại muốn hưởng thành quả lao động của người khác nên đãcố ý xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác được Bộ luật hình sự bảo vệ, gây mất trật tự an toàn xã hội; làm hoang mang, lo lắng, bất bình trong quần chúng nhân dân.Xét hành vi, tính chất và mức độ phạm tội của bị cáo đã gây ra, với giá trị tài sản trộm cắp là 318.735.000 đồng, cần áp dụng một hình phạt tù tương xứng trong khung hình phạt, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục, cải tạo, răn đe và phòng ngừa tội phạm.

[4] *Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:* Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự.

[5] *Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:* Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã ra đầu thú; nhân thân chưa có tiền án, tiền sựnên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểms khoản 1, khoản 2Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6] *Về trách nhiệm dân*:Tài sản bị cáo trộm cắp đã được cơ quan điều tra thu hồi và trả lại cho bị hại. Bị hại không có yêu cầu gì về dân sự nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[7] *Về hình phạt bổ sung:* Xét thấy bị cáo không có tài sản và thu nhập ổn định nên miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

[8] *Về xử lý vật chứng:*Ngày 10/02/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an quận TH đã ra Quyết định xử lý vật chứng số 18/QĐ- XLVC và trao trả 135 tờ tiền tờ tiền mệnh giá 100 USD cho chị Chu Lâm T1 cùng ngày. Chị T1 đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì. Do đó, Hội đồng xét xử không giải quyết.

[9] *Về án phí*: Bị cáo phải nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[10] *Về quyền kháng cáo*: Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh và hình phạt: Căn cứ điểm akhoản 3 Điều 173; điểms khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt Bùi Thị T08 (tám) năm tù về tội "Trộm cắp tài sản". Thời hạn tù tính từ ngày 06/02/2023.

2.Về án phí:Căn cứ khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Căn cứ Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Bị cáo Bùi Thị T phải nộp 200.000 (*Hai trăm nghìn)* đồng án phí hình sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Căn cứ điều 331, điều 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự:

Án xử công khai sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND thành phố H;
- VKSND quận TH;
- CCTHADS quận TH;
- CAQ TH;
- Thi hành án Hình sự;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: HS/VPTA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Giang